

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP**

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016*

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)**



# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

MỤC LỤC	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 09
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 35

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

---

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301448324 ngày 24 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 5, ngày cấp 30/11/2015.

Công ty được thành lập ban đầu là Xí nghiệp Công trình đô thị Gò Vấp theo Quyết định 6078/QĐ-UB-KT ngày 29/10/1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau đó chuyển đổi thành Công ty Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp theo Quyết định số 2536 ngày 09/06/2010 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**Vốn điều lệ** 30.011.000.000 đồng

#### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 179A Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: (84- 8) 39853219  
Fax: (84- 8) 39853220  
Email: contract@cigova.com  
Website: cigova.vn  
Mã số thuế: 0301448324

#### Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng thành viên:	Chức vụ
- Ông Ngô Hệ Chính	Chủ tịch
- Ông Phan Xuân Thiện	Thành viên
- Ông Võ Quang Sơn	Thành viên

#### Kiểm soát viên

- Ông Huỳnh Đình Trọng	Kiểm soát viên
------------------------	----------------

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:	Chức vụ
- Ông Võ Quang Sơn	Giám đốc
- Ông Nguyễn Hữu Huy	Phó Giám đốc
- Ông Đỗ Văn Mạnh	Phó Giám đốc
- Ông Bùi Minh Quang	Phó Giám đốc
- Ông Phan Xuân Thiện	Phó Giám đốc
- Ông Lê Thành Tín	Kế toán trưởng

#### Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

#### Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Sửa chữa nhà;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công nghiệp, dân dụng. Sửa chữa, duy trì, đào đắp các công trình;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: san lấp mặt bằng;
- ....

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

#### Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 23 tháng 01 năm 2017

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



Võ Quang Sơn  
Giám đốc



Số 17006/2017/BCKT-TBD

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc**

**Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp, được lập ngày 23 tháng 01 năm 2017, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám Đốc**

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Công ty đang tạm trích quỹ tiền lương năm 2016 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định số 51/2016/NĐ-CP và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ (Thuyết minh số V15). Hiện Công ty đang chờ quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền quỹ tiền lương thực hiện năm 2016.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Các vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty kiểm toán khác kiểm toán. Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán có dạng ý kiến ngoại trừ về Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Các ngoại trừ liên quan đến quỹ tiền lương thực hiện của Công ty chưa được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và căn cứ biên bản kiểm tra ngày 30/09/2015 của UBND Quận Gò Vấp, từ ngày 01/01/2015, Công ty đã đăng ký thay đổi thời gian khấu hao đối với một số tài sản.

**Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2017**

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)**



**Giám đốc**  
**Nguyễn Thành Đức**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2013-196-1

**Kiểm toán viên**



**Trần Minh Bảo**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2015-196-1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2016	TẠI NGÀY 01/01/2016
<b>A-TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>56.063.754.110</b>	<b>62.664.894.750</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>30.153.211.340</b>	<b>37.697.316.964</b>
1. Tiền	111	V.01	11.860.640.702	15.579.034.611
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.292.570.638	22.118.282.353
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>24.915.884.174</b>	<b>24.515.769.318</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	25.284.376.510	20.476.503.271
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	15.000.000	197.125.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	2.947.784.928	7.474.294.028
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	V.05	(3.331.277.264)	(3.632.152.981)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>994.658.596</b>	<b>451.808.468</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.06	994.658.596	451.808.468
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>39.057.724.978</b>	<b>33.291.732.036</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>81.616.458</b>	<b>81.616.458</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	81.616.458	81.616.458
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>35.157.860.890</b>	<b>24.771.455.797</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	35.157.860.890	24.771.455.797
Nguyên giá	222		58.485.924.679	45.617.532.151
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.328.063.789)	(20.846.076.354)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	-	-
Nguyên giá	228		36.000.000	36.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.000.000)	(36.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.10	<b>3.516.603.199</b>	<b>4.012.125.699</b>
Nguyên giá	231		6.531.812.189	7.156.229.643
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.015.208.990)	(3.144.103.944)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>4.282.286.157</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	-	4.282.286.157
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>301.644.431</b>	<b>144.247.925</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	301.644.431	144.247.925
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>95.121.479.088</b>	<b>95.956.626.786</b>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2016	TẠI NGÀY 01/01/2016
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>55.475.814.422</b>	<b>53.629.402.711</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>47.460.315.964</b>	<b>46.791.232.253</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	129.181.349	778.464.444
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	-	322.167.689
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.452.470.375	4.878.265.089
4. Phải trả người lao động	314	V.15	14.585.109.415	18.775.877.665
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.750.406.753	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	6.506.855.423	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	9.012.275.765	13.895.873.816
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	5.184.590.660	3.467.314.660
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	5.839.426.224	4.673.268.890
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.015.498.458</b>	<b>6.838.170.458</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	2.759.516.458	2.742.616.458
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	4.744.982.000	3.795.554.000
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.20	511.000.000	300.000.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>39.645.664.666</b>	<b>42.327.224.075</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>35.401.159.899</b>	<b>37.543.808.770</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.013.180.504	30.013.180.504
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.387.979.395	7.530.628.266
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.387.979.395	7.530.628.266
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	V.23	<b>4.244.504.767</b>	<b>4.783.415.305</b>
1. Nguồn kinh phí	431		727.901.568	727.901.568
2. Nguồn kinh phí đã hình thành	432		3.516.603.199	4.055.513.737
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>95.121.479.088</b>	<b>95.956.626.786</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 23 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Trung Chấn

Lê Thành Tín

Võ Quang Sơn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	VI.01	<b>104.574.069.006</b>	<b>133.105.297.259</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>104.574.069.006</b>	<b>133.105.297.259</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	89.555.822.570	115.771.029.771
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>15.018.246.436</b>	<b>17.334.267.488</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	719.378.002	832.158.343
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	493.230.018	484.269.781
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		493.230.018	484.269.781
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	9.296.815.715	12.154.903.300
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>5.947.578.705</b>	<b>5.527.252.750</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.06	1.519.879.779	4.143.767.053
12. Chi phí khác	32	VI.07	603.380.372	16.368.180
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>916.499.407</b>	<b>4.127.398.873</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>6.864.078.112</b>	<b>9.654.651.623</b>
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	1.476.098.717	2.124.023.357
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>5.387.979.395</b>	<b>7.530.628.266</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 23 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Trung Chấn

Lê Thành Tín

Võ Quang Sơn

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>6.864.078.112</b>	<b>9.654.651.623</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.841.339.982	3.947.371.855
- Các khoản dự phòng	03	(300.875.717)	2.312.014.981
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.142.647.407)	(4.924.132.027)
- Chi phí lãi vay	06	493.230.018	484.269.781
- Các khoản điều chỉnh khác	07	211.000.000	300.000.000
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>8.966.124.988</b>	<b>11.774.176.213</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(400.114.856)	(1.279.852.384)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(542.850.128)	1.414.760.034
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(3.508.015.088)	7.644.200.142
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(157.396.506)	(85.325.929)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(493.230.018)	(484.269.781)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.000.891.989)	(1.685.324.294)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.356.845.365	1.071.673.073
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(6.603.918.970)	(3.706.749.382)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.383.447.202)</b>	<b>14.663.287.692</b>
<b>II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.066.620.203)	(9.734.598.157)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.519.879.779	5.595.318.181
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	719.378.002	832.158.343
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6.827.362.422)</b>	<b>(3.307.121.633)</b>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ THUYẾT SỐ MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát	32	-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.070.393.080	11.345.641.240
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.403.689.080)	(9.489.061.020)
- Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>2.666.704.000</b>	<b>1.856.580.220</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(7.544.105.624)</b>	<b>13.212.746.279</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>37.697.316.964</b>	<b>24.484.570.685</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>30.153.211.340</b>	<b>37.697.316.964</b>

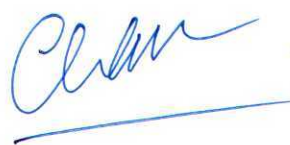
Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 23 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Trần Trung Chân

Lê Thành Tín

Võ Quang Sơn

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301448324 ngày 24 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 5, ngày cấp 30/11/2015.

Công ty được thành lập ban đầu là Xí nghiệp Công trình đô thị Gò Vấp theo Quyết định 6078/QĐ-UB-KT ngày 29/10/1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau đó chuyển đổi thành Công ty Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp theo Quyết định số 2536 ngày 09/06/2010 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước chủ sở hữu

- Vốn điều lệ: 30.011.000.000 VND

Trụ sở đặt tại: Số 179A Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ công cộng, xây dựng,...

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Sửa chữa nhà;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công nghiệp, dân dụng. Sửa chữa, duy trì, đào đắp các công trình;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: san lấp mặt bằng;
  
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Thi công công trình thủy lợi qui mô nhỏ, hệ thống cấp nước;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Duy tu, bảo dưỡng, làm mới công trình giao thông theo phân cấp và chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao. Bảo dưỡng nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Quản lý nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý. Tư vấn nhà đất;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập bản đồ hiện trạng nhà ở. Lập luận chứng kinh tế kỹ thuật công trình đo đạc bản đồ. Đo vẽ và hiệu chỉnh bản đồ địa hình tỷ lệ lớn. Xây dựng mạng lưới địa chính và đo vẽ thành lập bản đồ địa chính. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế quy hoạch xây dựng;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra kỹ thuật, nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: trang trí nội thất;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Quét dọn, thu gom rác và các công trình. Dịch vụ vệ sinh đô thị (hút hầm cầu, phá dỡ và dọn dẹp công trình);
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Nuôi trồng cây cảnh. Thi công sân vườn, non bộ, ngoại thất công trình.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

---

### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam.

### 3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

#### *Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:*

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### *Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

---

### 2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### 3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

#### a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền

#### c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

#### d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, đơn vị chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

#### a. TSCĐ hữu hình:

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:*

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

---

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

### 6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

### 7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

#### a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

---

**c. Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:**

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt tại quỹ	85.962.456	363.534.688
+ Tiền mặt tại quỹ VND	85.962.456	363.534.688
Tiền gửi ngân hàng VND	11.774.678.246	15.215.499.923
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	11.040.597.160	4.969.113.001
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển NT Việt Nam	9.716.958	9.891.981
- Ngân hàng TMCP An Bình	130.911.753	171.280.565
- Ngân hàng TMCP Phát triển HCM	78.113.692	103.411.056
- Ngân hàng TMCP Nam Á	350.668.750	8.912.439.338
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	164.669.911	1.049.292.281
- Khác ngân hàng	22	71.701
<b>Các khoản tương đương tiền (*)</b>	<b>18.292.570.638</b>	<b>22.118.282.353</b>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	8.775.929.993	153.172.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển NT Việt Nam	-	3.000.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình	7.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển HCM	-	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á	758.332.232	1.681.876.700
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1.758.308.413	7.283.233.653
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.153.211.340</b>	<b>37.697.316.964</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. Phải thu khách hàng	31/12/2016	01/01/2016
<b>a Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
- Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	4.417.267.161	4.417.267.161
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Công trình quận Gò Vấp	6.599.124.756	4.553.718.893
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Địa ốc Thành Phố	71.856.936	2.395.234.000
- Phòng Tài nguyên Môi trường Quận Gò Vấp	4.875.240.825	2.051.218.984
- Phòng Tài chính Kế hoạch Quận Gò Vấp	3.352.924.229	1.073.521.310
- Các khách hàng khác	5.967.962.603	5.985.542.923
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.284.376.510</b>	<b>20.476.503.271</b>

*Trong đó: Tại ngày 31/12/2016 các khoản phải thu đã trích lập dự phòng là: 3.331.277.264 đồng*

3. Trả trước cho người bán	31/12/2016	01/01/2016
- Công ty TNHH May và Trang bị BHLĐ Huy Trường	-	182.000.000
- Công ty TNHH Kiểm toán Thái Bình Dương	15.000.000	
- Các khách hàng khác	-	15.125.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.000.000</b>	<b>197.125.000</b>

4. Các khoản phải thu khác	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a Ngắn hạn</b>				
Phải thu lãi tiền dự thu tiền gửi ngân hàng	54.909.639		86.642.329	
Phải thu đội vận chuyển	206.071.785		233.601.963	
Phải thu đội môi trường	199.926.374		200.314.942	
Phải thu chi phí thiết kế chung cư phường 16	-		213.000.000	
Phải thu công trình cải tạo, mở rộng trường trung học Kim Đồng-Công ty CP Tư vấn Xây dựng Hà Đình	1.940.142.922		5.595.373.000	
Ký quỹ Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Gò Vấp	30.000.000		30.000.000	
Ký quỹ Công ty TNHH Đầu tư địa ốc Thành Phố	50.000.000			
Các khoản ký quỹ khác	33.276.800			
Các khoản tạm ứng nhân viên	364.581.695		1.050.868.818	
Phải thu khác	68.875.713		64.492.976	
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.947.784.928</b>	<b>-</b>	<b>7.474.294.028</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**4. Các khoản phải thu khác (tiếp theo)**

**b Dài hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Khoản phải thu tiền thuê chung cư của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước	81.616.458		81.616.458	
<b>Tổng cộng</b>	<b>81.616.458</b>	<b>-</b>	<b>81.616.458</b>	<b>-</b>

**5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi**

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát	1.519.693.780	1.519.693.780
Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát Lộc	214.099.891	214.099.891
Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Gò Vấp	800.000.000	800.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn TV ĐT XD An Cư	32.481.400	32.481.400
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	360.582.193	360.582.193
Công ty TNHH TM Song Kim	-	300.875.717
Công ty TNHH Nguyễn Gia Huy	254.100.000	254.100.000
Công ty TNHH Xây dựng An Phước Thuận	28.000.000	28.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và XD Tài Anh	122.320.000	122.320.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.331.277.264</b>	<b>3.632.152.981</b>

**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang(*)	994.658.596		451.808.468	
<b>Tổng cộng</b>	<b>994.658.596</b>	<b>-</b>	<b>451.808.468</b>	<b>7.264.305.962</b>

**(\*) Chi tiết các chi phí kinh doanh dở dang:**

	31/12/2016	01/01/2016
- Xây dựng mới trường mầm non 5 quận Gò Vấp	11.071.036	-
San lấp mặt bằng và phần BTCT móng nhà xưởng + văn phòng	-	356.059.432
Mở rộng, nâng cấp đường Nguyễn Văn Dung, phường 6, quận Gò Vấp	924.675.454	-
Thi công lát gạch vỉa hè lô K,L,M - Cityland 3	58.612.106	-
Công trình khác	300.000	95.749.036

**7. Chi phí trả trước**

	01/01/2016	Phát sinh tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	31/12/2016
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	144.247.925	403.500.509	246.104.003	301.644.431
<b>Tổng cộng</b>	<b>144.247.925</b>	<b>403.500.509</b>	<b>246.104.003</b>	<b>301.644.431</b>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình								
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng		
<b>Nguyên giá</b>								
- Tại ngày 01/01/2016	14.955.613.882	179.130.000	30.012.598.224	470.190.045	-	45.617.532.151		
- Tăng trong năm	7.690.094.847	36.057.500	5.501.592.728			13.227.745.075		
<i>Mua sắm mới</i>	50.500.000					50.500.000		
<i>Đầu tư XDCB hoàn thành</i>	7.639.594.847	36.057.500				7.675.652.347		
- Thanh lý, nhượng bán			(328.588.912)	(30.763.635)		(359.352.547)		
<b>- Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>22.645.708.729</b>	<b>215.187.500</b>	<b>35.185.602.040</b>	<b>439.426.410</b>	<b>-</b>	<b>66.212.077.026</b>		
<b>Khấu hao lũy kế</b>								
- Tại ngày 01/01/2016	5.036.735.674	134.902.329	15.355.310.724	319.127.627	-	20.846.076.354		
- Khấu hao trong năm	511.865.725	17.759.997	2.254.078.303	57.635.957		2.841.339.982		
- Thanh lý, nhượng bán			(328.588.912)	(30.763.635)		(359.352.547)		
<b>- Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>5.548.601.399</b>	<b>152.662.326</b>	<b>17.280.800.115</b>	<b>345.999.949</b>	<b>-</b>	<b>23.328.063.789</b>		
<b>Giá trị còn lại</b>								
- Tại ngày 01/01/2016	9.918.878.208	44.227.671	14.657.287.500	151.062.418	-	24.771.455.797		
<b>- Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>17.097.107.330</b>	<b>62.525.174</b>	<b>17.904.801.925</b>	<b>93.426.461</b>	<b>-</b>	<b>42.884.013.237</b>		

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

#### 8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng bao gồm:

Nhà cửa, vật kiến trúc 137.000.000

Máy móc thiết bị 102.850.000

PTVTài, truyền dẫn 8.869.325.349

Dụng cụ quản lý 209.791.410

**Tổng cộng** **9.318.966.759**

Một số phương tiện vận tải được đem đi thế chấp cho các khoản vay, chi tiết như sau

-02 xe ô tô chờ rác hiệu Hyundai mang biển số 51C-338.79 và 51C-338.48, có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là: 5.258.091.571 đồng và 3.211.191.637 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hồ Chí Minh

-02 xe ô tô chờ rác mang biển số 51C-165.13 và 51C-165.12, có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là: 4.771.458.728 đồng và 1.984.384.764 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn.

-04 xe ô tô ép rác mang biển số 51C-645.79, 51C-635.10, 51C-787.82 và 51C-789.09 có tổng nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là: 10.827.990.546 đồng và 9.888.571.148 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Quỹ Bảo vệ Môi trường Thành phố.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
- Tại ngày 01/01/2016				36.000.000		36.000.000
- Mua trong năm						
- <b>Tại ngày 31/12/2016</b>	-	-	-	<b>36.000.000</b>	-	<b>36.000.000</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
- Tại ngày 01/01/2016				36.000.000	-	36.000.000
- Khấu hao trong năm						
- <b>Tại ngày 31/12/2016</b>	-	-	-	<b>36.000.000</b>	-	<b>36.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Tại ngày 01/01/2016						-
- <b>Tại ngày 31/12/2016</b>	-	-	-	-	-	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm toà nhà quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc sở hữu của Nhà nước đang giao cho Công ty quản lý và khai thác hộ Nhà nước. Trong đó, có một số căn hộ chung cư để phục vụ cho mục đích bán trả góp, hỗ trợ tái định cư. Công ty không tiến hành khấu hao các đối với các căn hộ này

Bất động sản tăng trong năm do nhà nước giao thêm để quản lý; giảm trong năm do bán theo quy định.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Tại ngày 01/01/2016	7.156.229.643	3.144.103.944	4.012.125.699
- Khấu hao trong năm			
- Bán nhà trong năm	(624.417.454)	(128.894.954)	
<b>- Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>6.531.812.189</b>	<b>3.015.208.990</b>	<b>3.516.603.199</b>

### 11. Tài sản dở dang

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
Công trình Cửa hàng tiện ích - 568 Nguyễn Oanh		-	4.282.286.157	4.282.286.157
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.282.286.157</b>	<b>4.282.286.157</b>

### 12. Phải trả người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
- Công ty TNHH MTV Đông Hải	-	-	615.464.970	615.464.970
- Công ty Cổ phần Vỡ xe DANA	-	-	97.891.794	97.891.794
- Công ty TNHH TM DV Lê Hùng Sao Mai	59.696.780	59.696.780	65.107.680	65.107.680
- Công ty TNHH An Toàn Cuộc Sống	69.484.569	69.484.569		-
<b>Tổng cộng</b>	<b>129.181.349</b>	<b>129.181.349</b>	<b>778.464.444</b>	<b>778.464.444</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

13. Người mua trả tiền trước	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Khách hàng thuê căn hộ chung cư Khang Gia	-	-	197.232.000	197.232.000
- Long Văn Cổ	-	-	121.360.689	121.360.689
- Khách hàng khác	-	-	3.575.000	3.575.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>322.167.689</b>	<b>322.167.689</b>

### 14. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
- Thuế GTGT	2.707.657.708	6.866.950.081	6.896.244.414	2.678.363.375
- Thuế TNDN	1.472.677.615	1.476.098.717	2.000.891.989	947.884.343
- Thuế TNCN	31.623.454	192.806.943	182.780.646	41.649.751
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	796.420.818	796.420.818	-
- Các loại thuế khác		3.000.000	3.000.000	-
- Các khoản phí, lệ phí	69.803.257	1.021.331.975	990.909.641	100.225.591
- Các khoản phải nộp khác	596.503.055	684.347.315	596.503.055	684.347.315
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.878.265.089</b>	<b>11.040.955.849</b>	<b>11.466.750.563</b>	<b>4.452.470.375</b>

#### Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	31/12/2016	01/01/2016
Thuế GTGT	2.678.363.375	2.707.657.708
Thuế TNDN	947.884.343	1.472.677.615
Thuế TNCN	41.649.751	31.623.454
Các khoản phí, lệ phí	100.225.591	69.803.257
Các khoản phải nộp khác	684.347.315	596.503.055
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.452.470.375</b>	<b>4.878.265.089</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

Dịch vụ tang lễ	Không chịu thuế
Dịch vụ vệ vệ sinh, thoát nước đường phố, công viên và Các hoạt động khác	10%

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 14. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước (tiếp theo)

#### Thuế TNDN

Xem thuyết minh IV.10 và V.14

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Theo hướng dẫn của công văn số 6047/UBND-CNN ngày 13/11/2013 về việc quản lý, sử dụng tiền cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước do ủy ban nhân dân thành phố là đại diện chủ sở hữu đang tạm giao cho các công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước quản lý giữ hộ thì:

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi

### 15. Phải trả công nhân viên

	31/12/2016	01/01/2016
- Lương viên chức quản lý	1.022.746.893	1.138.457.122
- Lương người lao động	13.562.362.522	17.637.420.543
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.585.109.415</b>	<b>18.775.877.665</b>

Công ty đang tạm trích quỹ tiền lương năm 2016 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định số 51/2016/NĐ-CP và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ (Thuyết minh số V12). Hiện Công ty đang chờ quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền quỹ tiền lương thực hiện năm 2016.

	Năm nay	Năm trước
Quỹ lương thực hiện của viên chức quản lý	2.322.268.500	2.653.560.000
Quỹ lương thực hiện của người lao động	38.236.601.352	44.866.586.243
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.558.869.852</b>	<b>47.520.146.243</b>

Quỹ tiền lương thực hiện năm 2015 của Công ty đã được UBND Quận Gò Vấp phê duyệt theo Thông báo 166/TB-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016.

Công ty đang chờ phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với Quỹ tiền lương thực hiện năm 2016.

### 16. Chi phí phải trả

#### a Ngắn hạn

Trích trước chi phí thực hiện công trình xây dựng trường Mầm non 15 - T12/2016 - Trần Trung Chấn

#### Tổng cộng

	31/12/2016	01/01/2016
	1.750.406.753	
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.750.406.753</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
<b>17. Phải trả khác</b>		
<b>a Phải trả ngắn hạn khác</b>	-	
- Kinh phí công đoàn	135.970.112	99.013.850
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	-	22.000.000
- Phải trả ngân sách (tiền bán nhà chung cư)	1.252.782.355	1.081.239.009
- Các khoản phải hoàn thuế cho các đội	1.177.934.458	1.489.356.103
- Phải trả các đội thi công	4.189.501.185	7.564.620.267
- Phải trả ngân sách (quản lý hộ nhà chung cư Khang Gia, An Sương)	2.030.584.790	2.491.125.985
- Phải trả ngân sách (quản lý hộ lãi trả góp chung cư Khang Gia, An Sương)	168.470.865	189.987.016
- Phải trả ngân sách (cho thuê giữ xe Công viên Làng Hoa)	-	665.454.544
- Phải trả ngân sách (cho thuê mặt bằng Làng Hoa)	-	166.818.185
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	57.032.000	126.258.857
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.012.275.765</b>	<b>13.895.873.816</b>
<b>b Phải trả dài hạn khác</b>		
- Phải trả lại tiền bán trả góp nhà Chung cư Quỹ đầu tư	81.616.458	81.616.458
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn;		
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.200.000.000	1.200.000.000
+ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Huỳnh	240.000.000	240.000.000
+ Trường THPT Lý Thái Tổ	99.000.000	135.000.000
+ Công ty Cổ phần Ta Ca	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Các khách hàng khác	138.900.000	86.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.759.516.458</b>	<b>2.742.616.458</b>
<b>18. Doanh thu chưa thực hiện</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
<b>a Ngắn hạn</b>		
- Doanh thu chưa thực hiện	6.506.855.423	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.506.855.423</b>	<b>0</b>
Doanh thu nhận trước các công trình số dư vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:		
Công trình Xây dựng trường tiểu học Tôn Thất Tùng theo HĐ số 111/2016/HĐTC-Đ ngày 25/11/2016 - Ban Quản lý đầu tư XD CT Quận Tân Phú		6.293.227.273
Công trình Thi công XD 01 sân tennis thuộc dự án CV CX 6. Dự án KDC Cityland GV - HD 140-16/HD-KHDT ngày 02/11/2016 - Công ty TNHH Đầu tư Địa Ốc Thành Phố		149.211.000
Công trình thi công bốc mộ HĐ số 02/HĐBM/DVCI (41 ngôi)		64.417.150

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	01/01/2016	Tăng	Giảm	31/12/2016
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.382.697.120	7.388.352.233	5.952.384.162	5.818.665.191
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	290.571.770	322.407.839	592.218.576	20.761.033
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.673.268.890</b>	<b>7.710.760.072</b>	<b>6.544.602.738</b>	<b>5.839.426.224</b>

### 20. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	511.000.000	300.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>511.000.000</b>	<b>300.000.000</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**21. Vay và nợ thuê tài chính**

a	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	01/01/2016			Trong năm			31/12/2016	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
-	Vay ngắn hạn ngân hàng Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP.HCM (a)	1.950.342.660	1.950.342.660	6.570.393.080	5.653.317.080	2.867.418.660	2.867.418.660	2.867.418.660	
-	Nợ dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - CN Bắc Sài Gòn (b)	1.516.972.000	1.516.972.000	1.850.372.000	1.050.172.000	2.317.172.000	2.317.172.000	2.317.172.000	
	Quy Bảo vệ Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (c)	700.000.000	700.000.000	800.000.000	700.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	
		816.972.000	816.972.000	1.050.372.000	350.172.000	1.517.172.000	1.517.172.000	1.517.172.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.467.314.660</b>	<b>3.467.314.660</b>	<b>8.420.765.080</b>	<b>6.703.489.080</b>	<b>5.184.590.660</b>	<b>5.184.590.660</b>	<b>5.184.590.660</b>	

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP.HCM theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 24-01.16/HĐTD/TPBANK ngày 19 tháng 02 năm 2016. Hạn mức vay: 5.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: tối đa không quá 4 tháng. Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động

Tài sản đảm bảo: xe ô tô chờ rác BS 51C-338.79; 51C-338.48 tổng giá trị tài sản thế chấp là 2.723.000.000 đồng.

(b) Xem thuyết minh số IV.21b

(c) Xem thuyết minh số IV.21b

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**21. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

b	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - CN Bắc Sài Gòn (*)	800.000.000	800.000.000		800.000.000	-	-
	Quý Bảo vệ Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (**)	2.995.554.000	2.995.554.000	3.500.000.000	1.750.572.000	4.744.982.000	4.744.982.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.795.554.000</b>	<b>3.795.554.000</b>	<b>3.500.000.000</b>	<b>2.550.572.000</b>	<b>4.744.982.000</b>	<b>4.744.982.000</b>

(\*) Khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bắc Sài Gòn theo Hợp đồng vay số 6321-LAV-201200360 ngày 15 tháng 05 năm 2012. Hạn mức vay: 3.600.000.000 đồng. Mục đích vay là mua xe chờ rác thải.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 6321-LAV-201200371 ngày 15 tháng 5 năm 2012 ký với Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn. Thế chấp 02 xe chờ rác thải Hyundai biển số 51C-165.13 và 51C-165.12. Tổng giá trị: 5.200.000.000 đồng.

(\*\*) Vay dài hạn từ Quý Bảo vệ Môi Trường theo Hợp đồng tín dụng số 05-01/QBVMT-HĐTD ngày 29 tháng 5 năm 2015 với số tiền vay 4.084.850.000 đồng, mục đích vay là thực hiện dự án: Đầu tư mua sắm 02 xe ép rác". Thời hạn vay là 5 năm. Lãi suất trong hạn là 4,8%/năm. Tài sản thế chấp là 02 chiếc xe ép rác biển số 51C-645.79 và 51C635.10, tổng giá trị tài sản thế chấp là: 5.835.500.000 đồng.

Vay dài hạn từ Quý Bảo vệ Môi Trường theo Hợp đồng tín dụng số 04-2016/HĐTD-QBVMT ngày 26 tháng 8 năm 2016 với số tiền vay 3.500.000.000 đồng, mục đích vay là thực hiện dự án: Đầu tư mua sắm 02 xe ép rác". Thời hạn vay là 5 năm. Lãi suất trong hạn là 4,9%. Tài sản thế chấp là 02 chiếc xe ép rác biển số 51C-789.09 và 51C-787.82, tổng giá trị tài sản thế chấp là: 6.023.000.000 đồng.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**22. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư 01/01/2015</b>	<b>24.656.066.015</b>			<b>3.288.750.000</b>	<b>7.419.381.745</b>	<b>35.364.197.760</b>
Tăng vốn năm trước	5.357.114.489					5.357.114.489
Giảm vốn năm trước				(5.029.588.927)	(327.525.562)	(5.357.114.489)
Trích quỹ đầu tư phát triển				1.740.838.927	(1.740.838.927)	-
Lãi trong năm trước					7.530.628.266	7.530.628.266
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi					(4.648.614.476)	(4.648.614.476)
Điều chỉnh phân phối 2013 theo BB chi cục tài chính					50.173.008	50.173.008
Các khoản điều chỉnh					(752.575.788)	(752.575.788)
<b>Số dư 01/01/2016</b>	<b>30.013.180.504</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.530.628.266</b>	<b>37.543.808.770</b>
Tăng vốn năm nay						-
Giảm vốn năm nay						-
Lãi trong năm					5.387.979.395	5.387.979.395
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và ban điều hành					(7.295.907.238)	(7.295.907.238)
Điều chỉnh tăng giảm quỹ khen thưởng phúc lợi các năm trước					(234.721.028)	
<b>Số dư 31/12/2016</b>	<b>30.013.180.504</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.387.979.395</b>	<b>35.401.159.899</b>

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
<b>b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn của nhà nước	30.013.180.504	30.013.180.504
Vốn góp của các đối tượng khác		
<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn đầu năm	30.013.180.504	30.013.180.504
+ Vốn tăng trong năm	-	
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn cuối năm	-	30.013.180.504
<b>d. Quỹ đầu tư phát triển</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số dư đầu năm	-	3.288.750.000
Tăng trong năm		1.740.838.927
Giảm để tăng vốn điều lệ	-	(5.029.588.927)
- Số dư cuối năm	-	-
<b>23. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		
<b>a. Nguồn kinh phí</b>	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Nguồn kinh phí sửa chữa nhà	707.419.782	707.419.782
Nguồn kinh phí bán nhà	20.481.786	20.481.786
<b>Tổng cộng</b>	<u>727.901.568</u>	<u>727.901.568</u>
<b>b. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số dư đầu năm (ngày 01 tháng 01 năm 2016)	4.055.513.737	4.988.229.302
Tăng trong năm	-	
Giảm trong năm	(538.910.538)	(932.715.565)
- Số dư cuối năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016)	<u>3.516.603.199</u>	<u>4.055.513.737</u>

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm nay	Năm trước
<b>01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>104.574.069.006</b>	<b>133.105.297.259</b>
<b>Trong đó:</b>		
Doanh thu hoạt động vệ sinh đô thị	29.766.479.472	37.203.698.253
Doanh thu hoạt động vận chuyển rác	31.471.004.291	28.193.711.093
Doanh thu hoạt động duy tu	17.416.429.163	16.384.498.939
Doanh thu hoạt động sửa chữa, xây dựng	19.283.991.955	24.105.816.001
Doanh thu hoạt động cho thuê nhà	3.260.837.113	2.953.509.670
Doanh thu hoạt động nhà tang lễ	378.209.090	370.922.730
Doanh thu hoạt động thiết kế	77.481.552	2.602.724.219
Doanh thu hoạt động khác	2.919.636.370	21.290.416.354
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	-	
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>104.574.069.006</b>	<b>133.105.297.259</b>
<b>02. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn hàng hoá và dịch vụ đã cung cấp	89.555.822.570	115.771.029.771
<b>Tổng cộng</b>	<b>89.555.822.570</b>	<b>115.771.029.771</b>
<b>03. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	719.378.002	832.158.343
<b>Tổng cộng</b>	<b>719.378.002</b>	<b>832.158.343</b>
<b>04. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí lãi vay	493.230.018	484.269.781
<b>Tổng cộng</b>	<b>493.230.018</b>	<b>484.269.781</b>
<b>05. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên quản lý	6.255.126.183	6.602.428.185
Chi phí đồ dùng văn phòng	176.047.796	233.081.296
Chi phí khấu hao tài sản cố định	535.422.616	543.058.342
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	-	2.312.014.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	725.232.738	754.004.655
Chi phí bằng tiền khác	1.601.986.382	1.707.315.841
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.296.815.715</b>	<b>12.154.903.300</b>

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Năm nay	Năm trước
<b>06. Thu nhập khác</b>		
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	83.174.553	4.091.973.684
Các khoản thu nhập khác	1.436.705.226	51.793.369
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.519.879.779</b>	<b>4.143.767.053</b>
<b>07. Chi phí khác</b>		
Sửa chữa barie tại Công viên Làng Hoa	-	10.368.180
Tiền thuế phạt chậm nộp theo TB số 13122/TB07-CT ngày 21/11/2016	484.407.596	-
Chi phí khác	118.972.776	6.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>603.380.372</b>	<b>16.368.180</b>
<b>08. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.864.078.112	9.654.651.623
Cộng các khoản chi phí không được trừ	515.460.470	-
Thu nhập tính thuế	7.379.538.582	9.654.651.623
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thu nhập tính thuế 20%</i>	7.369.988.582	-
<i>Thu nhập tính thuế 22%</i>	9.550.000	9.654.651.623
Chi phí thuế TNDN hiện hành 20%	1.473.997.716	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành 22%	2.101.000	2.124.023.357
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.476.098.717</b>	<b>2.124.023.357</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm nay	Năm trước
1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	11.920.765.080	11.345.641.240
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	9.254.061.080	9.489.061.020

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Công cụ tài chính

##### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

##### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Năm nay		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.153.211.340		37.697.316.964	
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	28.313.777.896	(3.331.277.264)	28.032.413.757	(3.632.152.981)
<b>Tổng cộng</b>	<b>58.466.989.236</b>	<b>(3.331.277.264)</b>	<b>65.729.730.721</b>	<b>(3.632.152.981)</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			<b>Năm nay</b>	<b>01/01/2016</b>
Phải trả người bán, phải trả khác			11.900.973.572	17.416.954.718
Chi phí phải trả ngắn hạn			1.750.406.753	-
Các khoản vay			9.929.572.660	7.262.868.660
<b>Tổng cộng</b>			<b>23.580.952.985</b>	<b>24.679.823.378</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

##### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

---

### 1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

#### a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có các loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, Rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

##### (i) Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng tiền Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của Công ty là không có vì Công ty không sử dụng tiền bằng ngoại tệ.

##### (ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty có các rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá, do vậy, Công ty chỉ chịu rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu / phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

##### (iii) Quản lý rủi ro về giá khác (Rủi ro về giá cổ phiếu)

Công ty không có rủi ro về giá (rủi ro cổ phiếu)

#### b. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và công cụ tài chính khác).

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

#### c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi, nguồn vốn mà chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

#### Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.153.211.340		30.153.211.340
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	28.232.161.438	81.616.458	28.313.777.896
<b>Tổng cộng</b>	<b>58.385.372.778</b>	<b>81.616.458</b>	<b>58.466.989.236</b>

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	9.141.457.114	2.759.516.458	11.900.973.572
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.750.406.753		1.750.406.753
Các khoản vay	5.184.590.660	4.744.982.000	9.929.572.660
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.076.454.527</b>	<b>7.504.498.458</b>	<b>23.580.952.985</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>42.308.918.251</b>	<b>(7.422.882.000)</b>	<b>34.886.036.251</b>

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2016

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.697.316.964		37.697.316.964
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	27.950.797.299	81.616.458	28.032.413.757
<b>Tổng cộng</b>	<b>65.648.114.263</b>	<b>81.616.458</b>	<b>65.729.730.721</b>

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	14.674.338.260	2.742.616.458	17.416.954.718
Các khoản vay	3.467.314.660	3.795.554.000	7.262.868.660
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.141.652.920</b>	<b>6.538.170.458</b>	<b>24.679.823.378</b>

<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>47.506.461.343</b>	<b>(6.456.554.000)</b>	<b>41.049.907.343</b>
-------------------------------------	-----------------------	------------------------	-----------------------

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu được từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 2. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2016 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Ngày 23 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Trần Trung Chấn

Kế toán trưởng

Lê Thành Tín

Giám đốc



Võ Quang Sơn